

TÁM MẠCH KỲ KINH

12 kinh mạch có quan hệ trực tiếp với nội tạng nên gọi là chính kinh. Kỳ kinh là khoảng giao nhau của tất cả 12 kinh mạch, thông qua 12 kinh mạch và phát sinh quan hệ gián tiếp với nội tạng, là kinh mạch ngoài chính kinh. Vì nó khác với 12 kinh mạch nên gọi là kỳ kinh.

Mạch kỳ kinh là: Đốc, nhâm, xung, đới, âm duy, dương duy, âm kiêu, dương kiêu. Trong 8 mạch kỳ kinh, chỉ có 2 mạch nhâm, đốc là đi thẳng giữa 2 mặt trước, sau của cơ thể, chúng có những huyết chuyên thuộc của nó. Sáu kinh còn lại đều phụ theo ở 12 kinh mạch kia, không có chuyên huyết của từng kinh. Do tính chất trọng yếu của hai mạch nhâm, đốc trong châm cứu, cho nên người ta gộp vào với 12 kinh mạch gọi cả là 14 kinh.

A. Đặc điểm sinh lý của 8 mạch kỳ kinh

Tám mạch kỳ kinh là một thông số đặc thù của việc điều tiết vận hành khí huyết. Công năng chung của nó là điều tiết khí huyết của 12 kinh mạch. Như khi khí huyết ở 12 kinh mạch đầy đủ cũng đưa nhiều khí huyết cho tám mạch kỳ kinh chứa giữ. Những lúc 12 kinh mạch khí thiếu khí huyết thì tám mạch kỳ kinh cấp bổ sung lại.

1. **Đốc mạch** tuần hành ở chính giữa cột sống, các dương kinh ở tay chân trong 12 kinh mạch đều giao hội với đốc mạch. Vì thế đốc mạch. Vì thế đốc mạch có tác dụng thống soái các dương kinh, do đó cũng gọi là “dương kinh chi hải” (bể chứa các dương kinh).
2. **Nhâm mạch** tuần hành ở chính giữa bụng, ba kinh âm ở chân đến giao hội với nhâm mạch ở vùng dưới rốn. Vì nhâm mạch có tác dụng tổng nhiệm âm kinh cho nên cũng gọi là “âm kinh chi hải” (bể chứa các âm kinh).
3. **Xung mạch** bắt đầu từ trong ngực, đi ở hai bên cạnh bụng, trên kinh túc thiếu âm thận, quan hệ mật thiết với hai mạch nhâm, đốc, chiếm địa vị trọng yếu trong con người vì vậy cũng gọi là “kinh lạc chi hải” (bể chứa các kinh lạc).
4. **Đới mạch** ở phía dưới sườn, đi vòng quanh người như một cái vòng gai, có tác dụng thúc các kinh đi đều.
5. **“Duy”** có nghĩa là duy hệ (giữ mối liên lạc về một hệ). Dương duy mạch bắt đầu từ gót chân ra mắt cá ngoài gộp với túc thiếu dương đả kinh đi lên liên hệ với các dương kinh; âm duy mạch bắt đầu từ cạnh trong gót chân, theo túc thái âm tỳ kinh đi lên quan hệ với các âm kinh.
6. **“Kiêu”** mạch có nghĩa là mạch nhẹ nhõm và mạnh mẽ như cái cà kheo. Dương kiêu mạch bắt đầu từ cạnh ngoài gót chân song hành với túc thái dương kinh đi lên; âm kiêu mạch bắt đầu từ cạnh trong gót chân theo túc thiếu âm đi lên, cả 2 có tác dụng làm cho chi vận động được khoẻ (là sức giữ cho hai chân thẳng vững như hai cái cà kheo kẹp trong ngoài chân).

B. Đầu, cuối của tám mạch kỳ kinh và chủ trị của nó

1. Đốc mạch

Gồm 28 huyết. Bắt đầu từ trong bụng dưới, đi ra từ Hội âm, phía sau đi lên theo phía trong cột sống, lên thẳng phía sau gáy, đến phong phủ thì vào não, lên đến đỉnh đầu, theo

trục giữa đi ra trước trán, xuống đến dưới đầu mũi đến phía trong môi trên thì nối tiếp với nhâm mạch (H20)

Chủ trị: Cấp cứu, bệnh tình chí, đau đầu, lưng đau, uốn ván.

2. Nhâm mạch

Gồm 24 huyết. Kinh mạch bắt đầu tuần hành từ bụng dưới, ra từ huyết Hội âm, hướng lên gò mu đến Trung cực thì đi vào bụng, theo đường giữa bụng đi lên vòng môi, qua hai má mặt và phía dưới ổ mắt thì dứt. (H.21)

Chủ trị: Bụng dưới đau, bí đái, đái dầm, kinh nguyệt không đều, chảy máu dạ con, sán khí, hư thoát, đau dạ dày, ỉa chảy, ho hen.

Kinh này ngoài hai huyết Quan nguyên, Khí hải có tác dụng bồi bổ sức khỏe toàn thân, các huyết còn lại nói chung chỉ có tác dụng chữa các bệnh cục bộ (bao gồm cả nội tạng nơi đó).

3. Xung mạch

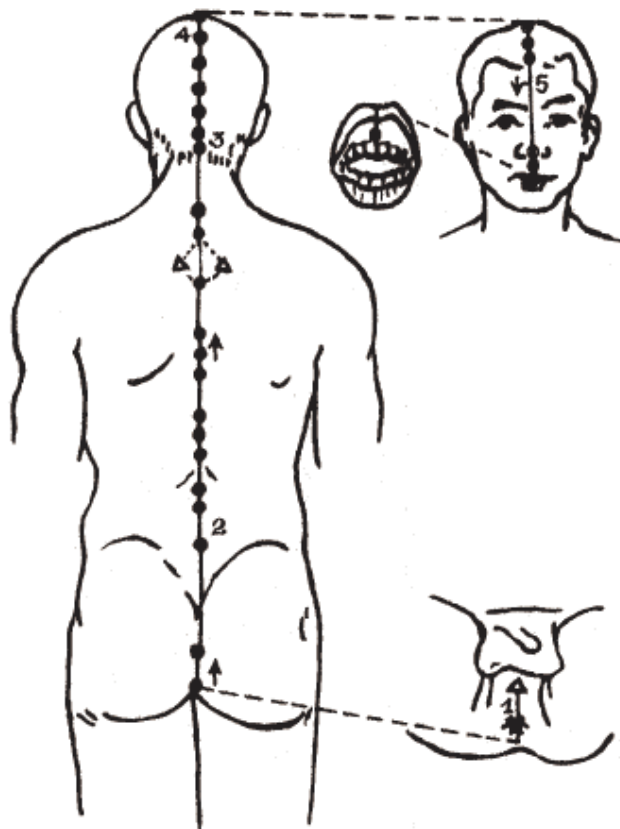
Xung mạch và nhâm mạch cùng bắt đầu từ huyết *Hội âm*, hướng đi lên ven theo cột sống trong sâu, tản vào trong ngực, hội với hâu.

Chủ trị: Khí xông ngược lên, đau bụng.

4. Đới mạch

Bắt đầu từ dưới sườn cụt, vòng quanh thân một vòng kín.

Chủ trị: Trong bụng đầy tức, phần lưng không mềm mại.



Hình 20. Mạch Đốc

5. Âm kiều mạch

Cũng là một kinh mạch được tách ra từ túc thiếu âm thận, bắt đầu từ phía sau huyết *Nhiên cốc*, đi thẳng lên đến cạnh trong đùi, vào cơ quan sinh dục, lên phía trong ổ bụng, nổi ra ở phía trước động mạch *Nhân nghinh* rồi nhập vào khoé mắt trong.

Chủ trị: Chân bai ra ngoài (ngoại phiên) liệt thần kinh khoeo trong.

6. Dương kiều mạch

Bắt đầu từ giữa gót chân, ven theo mắt cá ngoài đi lên tới huyết *Phong trì* túc thiếu dương đảm kinh.

Chủ trị: Chân bai vào trong (nội phiên)

7. Âm duy mạch

Bắt đầu từ chỗ các âm kinh giao hội, men theo cạnh trong đùi, bụng dưới, ven theo sườn, lên đến hai bên họng.

Chủ trị: Đau tim.

8. Dương duy mạch

Bắt đầu từ chỗ các dương kinh giao hội, ven theo cạnh ngoài đầu gối, bụng dưới, bên cạnh, ven sườn lên đến vai và khuỷu tay, đi qua phía trước vai, đi vào sau vai, lên phía sau tai, xuống đến trán.

Chủ trị: Hàn nhiệt.